

Bản án số: 136/2024/HNGĐ-PT

Ngày 27-5-2024

V/v Chia tài sản chung sau khi ly hôn
giữa ông Mật và bà Huệ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn
Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Xuân Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2024/TLPT-HNGĐ ngày 16-4-2024 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐ-PT ngày 25-4-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Quang M (Triệu Văn M), sinh năm 1952

Nơi thường trú: Số 539 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1952

Nơi thường trú: 2252B, Huỳnh Tấn Phát, tổ 5, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H: Chị Triệu Thị Thu H1, sinh năm 1980

Nơi thường trú: L12.01 chung cư Lô L, khu dân cư Cityland, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2024)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Triệu Văn B, sinh năm 1963;

2. Anh Triệu Văn H1, sinh năm 1986

Đều trú tại: Xóm ĐT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị H.

(Tại phiên tòa vắng mặt: Ông Triệu Quang M, bà Vũ Thị H, chị Triệu Thị Thu H1, ông Triệu Văn B, anh Triệu Văn H1 - có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Triệu Quang M trình bày:*

Ông và bà Vũ Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vào năm 1976, quá trình vợ chồng chung sống có 03 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Ngày 04/02/2013 ông và bà Huệ đã được Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ly hôn bằng bản án số: 61/2013/QĐST-HNGĐ; Về tài sản chung ông và bà Huệ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Sau khi ly hôn: Đối với tài sản là nhà đất trong Thành phố Hồ Chí Minh ông và bà Huệ đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Riêng đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² tại: Xóm ĐT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định ông bà không thỏa thuận được, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, phân chia theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc thửa đất số 698: Do bố ông là ông Triệu Văn Cẩn và mẹ là bà Lê Thị Rụt tặng cho ông vào năm 1983 lúc đó là đất ao với diện tích 260m². Đất có vị trí: Phía Bắc giáp ngõ, phía Nam giáp đường 487B, phía Đông giáp nhà đất bà The và phía Tây giáp đường dong xóm, diện tích các cạnh cụ thể bao nhiêu mét ông không biết. Đến năm 1994 ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Triệu Văn M

Quá trình sử dụng: Sau khi nhận đất ông và bố mẹ bỏ tiền san lấp và xây nhà cấp 4 để ở, cụ thể ông bỏ ra bao nhiêu tiền đã lâu ông không nhớ (hiện khung nhà vẫn còn), vì lúc đó ông đi bộ đội xa nhà, còn bà Huệ làm giáo viên cấp 2 ở xã Nam Thắng, bà Huệ cùng các con ở khu tập thể của trường không ở nhà. Đến năm 1986 ông đưa vợ con vào Miền Nam lập nghiệp, nhà đất trên do bố mẹ ông ở, đến năm 1996 bố ông chết và năm 1998 mẹ ông chết, ông giao lại nhà đất cho em trai là ông Triệu Văn B trông coi hộ.

Năm 2004 ông và bà Huệ về quê có lập văn bản gửi nhà đất cho ông Triệu Văn B quản lý, trông coi giúp (văn bản có người làm chứng). Đến năm 2010 ông về tự bỏ tiền riêng xây từ đường trên diện tích đất mang tên ông, để con cháu trong chi họ về thờ cúng, cụ thể hết bao nhiêu tiền ông không nhớ, bà Huệ biết nhưng do bà không nhất trí xây nên bà không đóng góp gì. Khi ông xây từ đường anh em cùng con cháu trong dòng họ có tự nguyện tiền cúng số tiền này đã ghi trên bia đặt trong nhà thờ, từ khi xây đến nay không ai có tranh chấp gì, nếu sau này các anh em con cháu trong dòng họ có ý kiến gì về số tiền công đức trên, ông sẽ có trách nhiệm với họ nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cuối năm 2013 ông Bào cưới vợ cho con trai là anh Triệu Văn H1, do nhà trật nên ông Bào xin ông cho cháu Hùng nâng cấp nhà để cho vợ chồng Hùng sang ở, trông coi ông đồng ý. Anh Hùng đã nâng cấp công trình nhà ông (cụ thể Bóc vôi áo trát lại, làm lại hệ thống điện âm, ngăn buồng ½ làm bếp và ½ làm công trình phụ kếp kín, nâng cấp sân và trụ cổng) tổng chi phí theo anh Hùng cung cấp 136.073.000 đồng là phù hợp, nên ông đồng ý khi giải quyết vụ án sẽ hoàn lại cho anh Hùng số tiền này.

Khoảng năm 2016 về phía Tây thửa đất nhà nước và nhân dân làm đường dong xóm và năm 2018 về phía Nam thửa đất nhà nước làm đường 487B nhưng đều không có hồ sơ giải phóng mặt bằng và không lấy vào đất được cấp của ông.

Từ khi ông Bào trông coi tiền thuế đất ông đã gửi trả cho ông Bào, ngoài ra không gửi khoản tiền nào khác. Nay ông Triệu Văn B yêu cầu ông và bà Huệ có trách nhiệm thanh toán tiền công trông coi tài sản cho ông theo quy định của pháp luật. Ông nhất trí và tự nguyện thanh toán cho ông Bào mỗi năm 06 triệu đồng từ năm 1996 đến 2023 là 27 năm với số tiền 162.000.000 đồng.

Ông nhất trí với kết quả đo đạc thẩm định hiện trạng sử dụng đất và kết quả định giá tài sản của của cơ quan có thẩm quyền ngày 28/12/2022.

Nên ông Mật đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 698, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² tại: Xóm ĐT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định là của bố mẹ đẻ (ông Cẩn và bà Rụt) tặng cho riêng ông. Nếu có căn cứ xác định đây là tài sản chung của vợ chồng mà phải chia theo pháp luật ông xin được nhận đất và tài sản trên đất để ông về dưỡng già và làm nơi thờ cúng tổ tiên, vì ông là con trưởng trong gia đình. Tính trị giá tài sản khấu trừ số tiền 136.073.000 đồng hoàn trả cho anh Hùng đã bỏ ra sửa chữa nhà và các công trình trên đất làm tăng giá trị tài sản của gia đình ông ông và thanh toán tiền công trông coi tài sản cho ông Bào với số tiền 6.000.000 đồng/năm. Giá trị tài sản còn lại chia theo quy định của pháp luật, bà Vũ Thị H được hưởng bao nhiêu ông sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Huệ đúng theo quy định.

Tại tự khai ngày 14/12/2022, bản luận cứ ngày 19/12/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà và ông Mật tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp và đã được Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ chí Minh giải quyết cho ly hôn bằng bản án số: 61/2013/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2013.

Về phần tài sản chung: Đối với thửa đất số 698, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² ở xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định ông bà không thỏa thuận được nên chưa giải quyết.

Về nguồn gốc thửa đất số 698 là của bố mẹ chồng (ông Triệu Văn Cẩn và bà Lê Thị Rụt) cho vợ chồng bà, không phải là tài sản tặng cho riêng ông Mật. Vì, tại thời điểm đó, bố mẹ chồng cho đất 04 người con trai (ông Mật, ông Bào, ông Phòng và ông Phóng), còn bố mẹ ở trên diện tích gia đình ông Bào đang ở. Ông Mật không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bố mẹ cho riêng ông Mật. Để bố mẹ chồng có tiền để xây dựng nhà hiện tại là nhà ông Bào, bà và ông Mật đã thống nhất với nhau biểu bố mẹ một số tiền coi như là mua đất, do thời

gian quá lâu và cũng không nghĩ đến việc này nên bà không làm giấy tờ xác nhận gì, nhưng bà cam đoan sự việc bà khai là có thật. Đến 10/03/1994 ông bà đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 205 mang tên Triệu Văn M với diện tích 260m² tại xã Nam Hoa. Theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 thì đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị tòa án chia theo đúng pháp luật.

Quá trình sử dụng: Sau khi được cho đất năm 1984 ông bà đã san lấp ao xây 01 căn nhà 4 gian cho mẹ con bà ở (do ông Mật vẫn đi bộ đội không ở nhà). Kinh phí xây là sự đóng góp công sức, tài chính chung của vợ chồng, ông Mật bỏ tiền ra xây, còn bà phải chịu trách nhiệm giám sát xây dựng, thợ thuyền, nuôi con. Thời điểm đó bà đang dạy ở trường cấp 2 xã Nam Minh, chợ Thượng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, dầy gần nhà để tiện chăm sóc con cái và lo kinh tế gia đình, chứ không phải dạy ở Nam Thắng như ông Mật trình bày. Bố mẹ ông Mật ở nhà ông Bào, không ở chung với mẹ con bà và bố mẹ cũng không bỏ kinh tế cho ông bà xây nhà như ông Mật trình bày, mà bố mẹ chỉ hỗ trợ trông coi, giám sát khi ông Mật không ở nhà.

Về xây từ đường: Bà là người chủ động đồng ý về việc xây từ đường để có chỗ thờ phụng tổ tiên cho khang trang sạch sẽ, nhưng vị trí hiện tại của từ đường là nơi không được sạch sẽ vì trước đó là chỗ gia súc (lợn, gà, chó) ..., chứ không phải bà không đồng ý xây nhà thờ. Số tiền ông Mật lấy để xây từ đường là tiền chung của vợ chồng, vì không được sự nhất trí của vợ con, nên ông Mật tự rút tiền bán đất trong thành phố Hồ Chí Minh về xây nhà thờ chứ không phải tiền riêng của ông Mật.

Về yêu cầu của ông Bào yêu cầu thanh toán tiền gửi giữ, trông coi tài sản: Năm 1986 gia đình bà vào miền nam sinh sống, lập nghiệp có gửi lại nhà đất cho ông Bào trông coi hộ. Năm 2004 gia đình bà về quê chơi và có lập văn bản gửi nhà ông Triệu Văn B trông coi hộ. Trong biên bản thể hiện rất rõ ông Bào không được tự ý thay đổi hiện trạng và việc trông coi không phát sinh chi phí gì. Nay ông Bào yêu cầu thanh toán tiền trông coi tài sản, ông Mật quyết định trả tiền trông coi từ năm 1996 đến 2023 là 162 triệu đồng cho bố con ông Bào, không có sự đồng ý của bà nên việc này ông Mật tự chịu trách nhiệm bà không đồng ý. Nếu việc yêu cầu phí trông coi tài sản của bố con ông Bào được chấp thuận thì bà cũng yêu cầu anh Hùng phải trả tiền thuê nhà từ năm 2013 gia đình anh Hùng sử dụng đến 2023 là 10 năm tương đương với tổng số tiền là 360 triệu (3triệu đồng/tháng x 12 tháng x 10 năm).

Về đề nghị thanh toán tiền chi phí cho việc nâng cấp nhà là do thỏa thuận riêng của ông Mật và anh Hùng, không được sự đồng ý của bà. Tuy nhiên việc tu bổ của anh Hùng làm tăng giá trị tài sản nên bà đồng ý hoàn lại cho anh Hùng số tiền tu bổ nhà là 136,073,000 đồng.

Từ phân tích trên bà đề nghị Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung của bà và ông Mật có trong thời kỳ hôn nhân đúng theo quy định của pháp luật. Bà nhất trí với kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 28/12/2022; nhất trí với nguyện vọng của ông Mật xin được nhận tài sản để ở và thờ phụng tổ tiên. Đề nghị

Tòa án giao nhà, đất cho ông Mật quản lý, sử dụng; ông Mật phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2023 ông Triệu Văn B trình bày:

Ông là em trai út của ông Triệu Quang M, gia đình có 04 anh em trai. Khoảng năm 1980 bố mẹ ông có chia đất cho 04 anh em. Ông Mật (anh cả) và ông Phóng (anh thứ 3) được ở diện tích đất ao giáp đường trắng (nay là đường 487B) ông Mật được chia diện tích 260m² còn ông và Phòng ở phía sau đất ông Mật và ông Phóng.

Năm 1984 vợ chồng ông Mật cùng bố mẹ ông lập ao làm nhà để bố mẹ ông ở cùng, kinh phí làm nhà ông không biết do ai bỏ ra, còn bà Huệ và các cháu chủ yếu ở nhà Trường do bà Huệ dạy học, ông Mật đi bộ đội đóng quân trong miền nam thỉnh thoảng mới về

Năm 1986 ông Mật đưa vợ con vào miền nam sinh sống, bố mẹ ông ở nhà đất của ông Mật, đến năm 1996 bố ông chết và năm 1998 mẹ ông chết sau đó ông Mật giao lại nhà đất cho ông quản lý và sử dụng. Khi giao anh em không có lập văn bản gì, đến năm 2004 vợ chồng ông Mật và các con có về lập văn bản gửi nhà cho ông trông coi, ông không đọc nội dung nhưng đồng ý ký vào văn bản, cũng từ đó không có văn bản nào khác.

Quá trình trông coi ông thường quét dọn và hương khói tuần tiết cho nhà âm cúng, đến năm 2013 anh Hùng (con trai ông) có nguyện vọng lấy vợ, do nhà ông trật nên trước khi lấy vợ cháu Hùng xin phép bác Mật cho sửa nhà để lấy vợ, kinh phí sửa chữa do cháu tự bỏ ông không có liên quan gì. Việc cháu Hùng có hỏi bà Huệ hay không thì ông không biết vì lúc đó ông Mật và bà Huệ đã ly hôn, từ cuối năm 2013 ông giao nhà đất của ông Mật cho anh Hùng trông coi. Quá trình trông coi ông là người đóng thuế đất hằng năm, ông Mật đã gửi tiền trả lại cho ông. Nếu vợ chồng ông Mật không tranh thì ông cũng không có ý kiến gì, nay xảy ra tranh chấp chia tài sản chung ông đề nghị ông Mật và bà Huệ có trách nhiệm thanh toán tiền trông coi tài sản cho ông và cháu Hùng từ năm 1996 đến nay theo quy định của pháp luật.

Về nhà Thờ: Năm 2010 ông Mật về phá diện tích nhà bấp để xây nhà thờ, kinh phí xây dựng do ông Mật bỏ ra, ông Mật không phân bổ gì cho ai, mọi người trong họ gồm 4 anh em nhà ông (ông, ông Triệu Văn Phòng, ông Triệu Văn Phóng) và 03 anh em thúc bá (ông Triệu Xuân Rĩ, Triệu Xuân Dương và Triệu Văn Mộc) đều tự nguyện đóng góp, số tiền đóng góp được ghi trên bia đá đặt trong nhà Thờ. Ông không biết tổng số tiền xây từ đường hết bao nhiêu, bản thân ông đóng góp 05 triệu đồng, từ khi xây đến nay ông không ai có ý kiến tranh chấp gì, do ông Mật ở xa nên tuần tiết ông là người hương khói tổ tiên. Ông không yêu cầu ông Mật và bà Huệ thanh toán cho ông số tiền công đức trên.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án anh Triệu Văn H1 trình bày:

Anh là con trai của ông Triệu Văn B, cuối năm 2013 anh lấy vợ do ở chung với bố mẹ và các em trật trật, thấy nhà ông Mật để không và đã xuống cấp nên bố

mẹ anh và anh xin phép ông Mật cho nâng cấp nhà của gia đình ông Mật để vợ chồng anh sang ở, được ông Mật đồng ý (anh không liên lạc với bà Huệ), nên anh đã bỏ tiền ra để nâng cấp sửa chữa nhà, sân công, tường bao với tổng số tiền là 136.073.000 đồng. Nay ông Mật đề nghị phân chia tài sản chung với bà Huệ sau khi ly hôn, anh không có tranh chấp đất đai gì với ông Mật và bà Huệ, đề nghị ông bà hoàn lại số tiền trên do anh đã chi trả để nâng cấp sửa chữa nhà, sân công làm tăng giá trị tài sản của ông Mật và bà Huệ theo quy định.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 16-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

1. Căn cứ vào Điều 15, Điều 29 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Các Điều 29, 37, 38, 45, 59, 60 và Điều 62 Luật hôn nhân gia đình 2014; các Điều 554, 555, 556, 557, 558 và Điều 559 Bộ luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” của ông Triệu Quang M (tên gọi khác Triệu Văn M);

2.1. Giao cho ông Triệu Quang M được quyền sử dụng diện tích 260m² đất và sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà mái bằng, bể nước, sân nhà ở, công, nhà thờ, sân nhà thờ và tường bao; thuộc thửa đất số 698, tờ bản đồ số 2, tại Xóm ĐT, xã NH, huyện NT, tỉnh Nam Định. Đất có vị trí: Phía Bắc giáp ngõ xóm; phía Nam giáp đường tỉnh lộ 487B; phía Đông giáp đất nhà bà The và phía Tây giáp đường xóm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/3/1994 mang tên ông Triệu Văn M.

2.2. Ông Triệu Quang M có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Vũ Thị H là 1.226.134.000 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, một trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn).

2.3. Ông Triệu Quang M có trách nhiệm thanh toán cho anh Triệu Văn H1 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) và cho ông Triệu Văn B 54.000.000 đồng (năm mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08-3-2024, bà Vũ Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với nội dung của Bản án sơ thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 16-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định sửa bản án

sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chia tài sản chung giữa bà Huệ và ông Mật theo tỷ lệ 5/5.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Vũ Thị H, chị Triệu Thị Thu H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, và giữ nguyên nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chia tài sản chung giữa bà Huệ và ông Mật theo tỷ lệ 5/5.

- Ông Triệu Quang M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và hoàn toàn nhất trí với Quyết định của Bản án sơ thẩm 01/2024/HNGĐ-ST ngày 16-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt và có quan điểm hoàn toàn nhất trí với nội dung của Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn trình bày của bà Vũ Thị H; căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị H về yêu cầu chia tài sản chung theo phần 50/50, giữ nguyên bản án sơ thẩm và giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị H làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của BLTTDS, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

Các đương sự đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Vũ Thị H:

[2.1] Về quan hệ pháp luật và nguồn gốc sử dụng đất:

Ông Triệu Quang M và bà Vũ Thị H kết hôn hợp pháp từ năm 1976, ngày 04/02/2013 đã được Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ly hôn bằng bản án số 67/2017/QĐST-HNGĐ; Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn các đương sự không thỏa thuận được với nhau đối với diện tích 260m² đất tại xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nên ông Mật làm đơn khởi kiện “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

Diện tích 260m² đất, tại thửa 698, tờ bản đồ số 2 ở xã Nam Hoa, huyện Nam Trực có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ ông Mật (ông Triệu Văn Cẩn và bà Lê Thị Rụt) tặng cho năm 1983. Năm 1994 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Triệu Văn M (tên gọi khác Triệu Quang M). Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 quy định “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Do đó, cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi được cho đất ông Mật và bà Huệ có san lấp xây nhà cấp 4, công trình phụ, có sân công để ở thời gian ngắn, đến năm 1986 ông bà không sử dụng mà đưa các con vào miền nam lập nghiệp, giao tài sản cho người khác trông coi, thờ cúng tổ tiên do ông Mật là con trưởng trong dòng họ. Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 29 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 quy định “Khi ly hôn, việc chia tài sản sẽ căn cứ vào sự đóng góp về công sức của mỗi bên, vào tình hình tài sản và tình trạng cụ thể của gia đình...” và chia cho ông Mật được sở hữu nhiều hơn theo tỷ lệ ông Mật 7 phần và bà Huệ 3 phần giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp.

[2.2] Về tài sản trên đất: Khi được bố mẹ tặng cho đất, năm 1984 vợ chồng ông Mật, bà Huệ lấp ao, xây nhà và công trình phụ cho mẹ con bà Huệ ở (do ông Mật đi bộ đội xa nhà), ông Mật góp tiền, bà Huệ góp công, đến năm 1986 ông bà không sử dụng mà đưa các con vào miền nam, giao tài sản cho người khác trông coi, thờ cúng tổ tiên. Về nhà thờ được xây trong thời kỳ hôn nhân, ông Mật trình bày do bà Huệ không đồng ý, nên ông bỏ tiền riêng ra xây đền làm nơi thờ cúng chi họ Triệu. Nhưng bà Huệ không nhất trí với ý kiến của ông Mật, vì ông tự rút tiền do vợ chồng bán đất trong miền nam mang về xây nhà thờ, nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông Mật không có tài liệu chứng cứ, để chứng minh số tiền bỏ tiền ra xây nhà thờ là tài sản riêng của ông. Do vậy cấp sơ thẩm xác định các công trình, vật kiến trúc trên 260m² đất, có vị trí, kích thước nhà mái bằng bê tông không khung trụ, công, bể nước, nhà thờ, sân gạch, tường dậu đúng theo sơ đồ đo đạc hiện trạng là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán:

Các đương sự đều thống nhất: Ông Triệu Quang M và bà Vũ Thị H hoàn lại cho anh Hùng số tiền 136.073.000 đồng (làm tròn 136.000.000 đồng) do anh Hùng bỏ ra sửa chữa nâng cấp nhà ở và các công trình khác trên đất làm tăng giá trị tài sản của ông Mật và bà Huệ và thanh toán cho ông Triệu Văn B tiền coi giữ tài sản là 54.000.000 đồng phù hợp với quy định tại các Điều 554, 555, 556, 557, 558 và Điều 559 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền ông Mật và bà Huệ phải thanh toán cho ông Bào và anh Hùng là 190.000.000 đồng.

[2.4] Về chia tài sản:

Căn cứ kết quả định giá tài sản ngày 28/12/2022, xác định thửa đất 698, tờ bản đồ số 2, ở xã Nam Hoa tại thời điểm định giá, giá trị quyền sử dụng đất ở là 15.000.000đ/m², như vậy với diện tích 260m² đất có giá trị là 3.900.000.000 đồng. Về tài sản, vật kiến trúc xây dựng trên đất (gồm nhà mái bằng bê tông không khung trụ, cổng, bể nước, nhà thờ, sân gạch, tường dậu) tại thời điểm định giá, tổng giá trị sử dụng còn lại là 302.268.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền phải thanh toán cho ông Bào và anh Hùng là 190.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã chia cho ông Triệu Quang M 2.786.134.000 đồng và bà Vũ Thị H 1.226.134.000 đồng là có căn cứ. Hiện nay trên diện tích đất thuộc thửa 688, tờ bản đồ số 2, tại xóm Đông Tân, xã Nam Hoa, huyện Nam Trực đã xây dựng Nhà mái bằng, bể nước, sân nhà ở, cổng, nhà thờ, sân nhà thờ và tường bao; ông Triệu Văn M là con trưởng trong gia đình, cấp sơ thẩm đã giao toàn bộ diện tích đất và các công trình trên đất cho ông Mật được quyền sử dụng là hoàn toàn phù hợp. Do đó, buộc ông Mật phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị H là 1.226.134.000 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, một trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên bà Vũ Thị H phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà Vũ Thị H sinh năm 1952, theo quy định của Luật người cao tuổi thì bà Huệ là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ Điều 12 và 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Dũng

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Anh Tuấn Nguyễn Thành Công

Nguyễn Anh Dũng

SƠ ĐỒ PHÂN CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
THỬA ĐẤT SỐ 472, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 3, THỊ TRẤN YÊN ĐỊNH - HẢI HẬU
(Kèm theo Bản án số 09/2024/HNGĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2024
của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN

Mai Anh Tuấn

Nguyễn Đức Cảnh

Nguyễn Anh Dũng